

## Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Trừ khi có quy định khác, toàn bộ E-ĐKCT phải được Chủ đầu tư ghi đầy đủ trước khi phát hành E-HSMT.

<b>A. Các quy định chung</b>	
<b>E-ĐKC 1.4</b>	<p>Chủ đầu tư là: Công ty Điện lực An Giang  Đại diện là Ông: <b>Nguyễn Phước Quý Hùng</b> Chức vụ: Giám đốc  Địa chỉ: số 77 đường Cô Bắc, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang, Việt Nam  Tài khoản: 7011065986 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN An Giang.  Mã số thuế: 0 3 0 0 9 4 2 0 0 1 - 0 2 3  Điện thoại: 02972211100</p>
<b>E-ĐKC 1.7</b>	<p>Công trình: bao gồm tổ hợp 02 công trình “Cải tạo, nâng cấp, phát triển lưới điện và xóa cầu phụ khu vực huyện Tri Tôn, An Phú, thị xã Tịnh Biên, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang năm 2026” và “Cải tạo, nâng cấp, phát triển lưới điện trung, hạ thế khu vực huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang năm 2026”.</p>
<b>E-ĐKC 1.10</b>	<p>Địa điểm Công trường trên địa bàn tỉnh An Giang và được xác định trong Bản vẽ số <i>mặt bằng</i>.</p>
<b>E-ĐKC 1.16</b>	<p>Ngày hoàn thành là: ___ <i>[ghi ngày]</i></p>
<b>E-ĐKC 1.17</b>	<p>Ngày hoàn thành (tiến độ thi công công trình) dự kiến cho toàn bộ công trình là <b>80 ngày</b> (đã bao gồm ngày lễ và ngày nghỉ theo quy định) kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.</p>
<b>E-ĐKC 1.18</b>	<p>Ngày khởi công là: <b>ngày ghi trong Lệnh khởi công</b>.</p>
<b>E-ĐKC 1.19</b>	<p>Nhà thầu là: ___ <i>[ghi tên, địa chỉ, số tài khoản, mã số thuế, điện thoại, fax, email của Nhà thầu]</i>.</p>
<b>E-ĐKC 1.29</b>	<p>- Tư vấn quản lý dự án: _____ <i>[ghi tên, địa chỉ, điện thoại, fax, email của Tư vấn quản lý dự án nếu có]</i>;  - Tư vấn giám sát là: _____ <i>[ghi tên, địa chỉ, điện thoại, fax, email của Tư vấn giám sát]</i>;  ...  </p>
<b>E-ĐKC 2.1</b>	<p>Hoàn thành từng phần: <b>không có</b></p>

<b>E-ĐKC 2.3(i)</b>	<p>Các tài liệu sau đây cũng là một phần của Hợp đồng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kế hoạch thi công, Biểu tiến độ thi công chi tiết;</li> <li>- Biện pháp tổ chức thi công;</li> <li>- Dự toán thiết kế được phê duyệt;</li> <li>- Các đề xuất của nhà thầu được bên giao thầu chấp thuận (nếu có);</li> <li>- Danh sách cán bộ chủ chốt của nhà thầu (chỉ huy trưởng công trình, cán bộ phụ trách kỹ thuật thi công, giám sát B ...) các đội, tổ thi công;</li> <li>- Danh sách các loại máy móc thiết bị thi công và vật tư thiết bị mà nhà thầu đăng ký sử dụng cho công trình;</li> <li>- Các phụ lục kèm theo của hợp đồng (nếu có).</li> </ul>
<b>E-ĐKC 5.2</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: <b>3% giá hợp đồng.</b></li> <li>- Thời gian hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng là: <b>Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến khi công trình được nghiệm thu, bàn giao và nhà thầu chuyển sang nghĩa vụ bảo hành theo quy định.</b></li> <li>- Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải được Chủ đầu tư chấp thuận và tuân thủ mẫu số 15 Chương VIII. Nếu các điều khoản của bảo đảm thực hiện hợp đồng nêu rõ ngày hết hiệu lực và Nhà thầu chưa hoàn thành các nghĩa vụ của hợp đồng vào thời điểm <b>07 ngày</b> trước ngày bảo đảm thực hiện hợp đồng của Nhà thầu đã nộp cho Chủ đầu tư hết hiệu lực, Nhà thầu sẽ phải gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng cho tới khi công việc đã được hoàn thành và mọi sai sót đã được sửa chữa xong.</li> </ul>
<b>E-ĐKC 5.4</b>	<p>Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: <b>Chủ đầu tư phải hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Nhà thầu không chậm hơn 20 ngày kể từ ngày nhận được bảo gốc bảo lãnh bảo hành (hoặc gửi tạm tiền bảo hành) và công trình được nghiệm thu, bàn giao, đồng thời nhà thầu đã chuyển sang thực hiện nghĩa vụ bảo hành theo quy định. Sau khi đã thanh toán, nhà thầu nộp bảo lãnh bảo hành thì chủ đầu tư sẽ không giải quyết.</b></p>
<b>E-ĐKC 8.2(d)</b>	<p>Nhà thầu có văn bản trả lời yêu cầu của Chủ đầu tư trong khoảng thời gian không quá <b>03</b> ngày, kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu.</p>
<b>E-ĐKC 8.8(a)</b>	<p>Nhà thầu có văn bản thông báo trong khoảng thời gian tối thiểu <b>07</b> ngày, trước ngày vật tư, thiết bị được vận chuyển tới công trường</p>

<b>E-ĐKC 8.11</b>	Thời gian di dời vật tư, thiết bị ra khỏi công trường: <b>01</b> ngày kể từ ngày biên bản nghiệm thu công trình được cấp.
<b>E-ĐKC 9.3</b>	Nhà tư vấn đưa ra chỉ dẫn trả dưới dạng văn bản trong thời hạn không quá <b>05 ngày</b> , kể từ ngày nhận được đề nghị chỉ dẫn của các bên liên quan.
<b>E-ĐKC 11.1</b>	Danh sách nhà thầu phụ: <b>không có</b> .
<b>E-ĐKC 11.2</b>	Giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá: <b>không có</b> .
<b>E-ĐKC 11.4</b>	Nêu các yêu cầu cần thiết khác về nhà thầu phụ: <b>không có</b> .
<b>E-ĐKC 19.1</b>	<p>Yêu cầu về bảo hiểm: <b>Chứng thư bảo hiểm xây lắp công trình sẽ được xuất trình chậm nhất là 10 ngày kể từ ngày ký hợp đồng, thời gian bảo hiểm là 15 tháng (gồm 03 tháng thi công +12 tháng bảo hành) kể từ ngày khởi công.</b></p> <p><b>Số tiền bảo hiểm tối thiểu và tiền khấu trừ phải là:</b></p> <p><b>(a) cho các tổn thất hoặc hư hỏng Công trình, cây cối và vật liệu: 110% Giá hợp đồng.</b></p> <p><b>(b) cho các tổn thất hoặc hư hỏng Thiết bị: Bồi thường cho Chủ dự án theo giá thị trường do Chủ dự án quyết định (nhưng không nhỏ hơn giá trị xuất kho của Chủ dự án), cộng thêm các chi phí bảo hiểm, lưu kho, lưu bãi, v.v... được tính chung là 10%. Nhà thầu phải hoàn tất việc bồi thường trước khi quyết toán đợt cuối. Trường hợp Nhà thầu trả bằng hiện vật thì phải đúng chủng loại, nhà cung cấp.</b></p> <p><b>(c) cho các tổn thất hoặc hư hỏng tài sản (ngoài trừ công trình, cây cối, vật liệu và thiết bị) có liên hệ đến Hợp đồng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- số tiền bảo hiểm tối thiểu: <b>50% Giá hợp đồng.</b></li> <li>- mức phí khấu trừ tối đa: <b>10.000.000 đồng.</b></li> </ul> <p><b>(d) đối với tổn hại cá nhân hoặc chết:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhân viên của Nhà thầu: <b>tối thiểu 100.000.000 đồng / người.</b></li> <li>- Của người khác: <b>tối thiểu 100.000.000 đồng / người.</b></li> </ul>
<b>E-ĐKC 20.1(a)</b>	Thời gian bảo hành công trình <b>365</b> ngày, kể từ ngày ____ tháng ____ năm ____

<b>E-ĐKC 21</b>	Thông tin về Công trường là: Nhà thầu được coi là đã thẩm tra và xem xét công trường, khu vực xung quanh công trường, các số liệu và thông tin liên quan đến công trường và đã được thỏa mãn trước khi nộp thầu.
<b>E-ĐKC 24</b>	Ngày tiếp nhận, sử dụng Công trường là: ít nhất là 07 ngày sau khi Chủ đầu tư cùng phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện việc tiếp nhận và bàn giao mặt bằng.
<b>E-ĐKC 27.2</b>	<p>Thời gian để tiến hành hòa giải: tối đa là 15 ngày làm việc kể từ khi nhận được văn bản khiếu nại của nhà thầu hoặc chủ đầu tư.</p> <p>Giải quyết tranh chấp: Nhà thầu và Chủ đầu tư có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải. Nếu qua thương lượng, hai bên không giải quyết được thì thống nhất đưa lên Tòa án nhân dân Khu vực 9 - An Giang để giải quyết. Quyết định của Tòa có giá trị bắt buộc cho cả hai bên.</p>
<b>B. Quản lý thời gian</b>	
<b>E-ĐKC 28</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ngày khởi công: <i>Căn cứ theo lệnh khởi công.</i></li> <li>- Ngày hoàn thành dự kiến: <i>80 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.</i></li> </ul>
<b>E-ĐKC 29.1</b>	Nhà thầu phải trình Chủ đầu tư Biểu tiến độ thi công chi tiết trong vòng <b>10 ngày</b> từ ngày ký Hợp đồng.
<b>E-ĐKC 29.4</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời gian cập nhật Biểu tiến độ thi công chi tiết: <b>10 ngày/ lần</b> khi tiến độ thi công có thay đổi hoặc theo yêu cầu của Chủ đầu tư.</li> <li>- Số tiền giữ lại nếu nộp muộn Biểu tiến độ thi công chi tiết cập nhật: <b>5%</b> giá trị đợt thanh toán kế tiếp. Trường hợp hợp đồng thanh toán 01 đợt thì số tiền này sẽ giữ lại đến hết thời gian bảo hành công trình. (3.132.263.783 đồng).</li> </ul>
<b>E-ĐKC 30.7</b>	Các trường hợp khác: Trường hợp các lý do bất khả kháng như trở ngại trong công tác bồi thường giải phóng mặt bằng hoặc VTTB A cấp, hoặc trở ngại khác thì chủ đầu tư và nhà thầu có văn bản thỏa thuận để điều chỉnh thời gian thực hiện hợp đồng.
<b>C. Quản lý chất lượng</b>	
<b>E-ĐKC 33.2</b>	Vật tư, máy móc, thiết bị: Tất cả các vật tư, thiết bị phải có xuất xứ rõ ràng, có chứng nhận chất lượng xuất xưởng của nhà sản

xuất, được thí nghiệm đảm bảo chất lượng, thông số kỹ thuật đáp ứng các yêu cầu thiết kế.

**- Cấp phát vật tư thiết bị A cấp:**

+ Chủ đầu tư/bên mời thầu sẽ bàn giao VTTB A cấp sau khi bàn giao mặt bằng thi công và theo tiến độ thi công trên công trường. Khi hoàn tất công trình, nếu nhà thầu không hoàn trả được phần VTTB A cấp sử dụng thừa bằng hiện vật cho chủ đầu tư thì phải bồi thường cho chủ đầu tư theo giá thị trường do chủ đầu tư quyết định (nhưng không nhỏ hơn giá trị xuất kho của chủ đầu tư), cộng thêm các chi phí bảo hiểm, lưu kho, lưu bãi, v.v. được tính chung là 10%. Nhà thầu phải hoàn trả cho chủ đầu tư giá trị bồi thường trước khi quyết toán đợt cuối.

+ Sau khi nhận phiếu xuất VTTB A cấp của Chủ đầu tư/bên mời thầu, trong vòng 05 ngày làm việc nhà thầu phải bố trí phương tiện tiếp nhận VTTB A cấp tại kho Chủ đầu tư. Nhà thầu có trách nhiệm bảo quản vật tư A cấp từ lúc tiếp nhận đến khi nghiệm thu đóng điện, bàn giao công trình đúng theo quy định và theo khuyến cáo của nhà cung cấp, tránh mọi hư hỏng hoặc làm giảm giá trị của VTTB.

+ Nhà thầu bố trí kho bãi với diện tích đủ để bảo quản VTTB, thông báo địa điểm cho chủ đầu tư. Chủ đầu tư bất kỳ thời điểm nào có quyền kiểm tra VTTB A cấp bảo quản tại kho bên B.

+ Khi tiếp nhận các vật liệu và thiết bị do Chủ đầu tư/bên mời thầu cung cấp, nhà thầu phải kiểm tra, đo đếm khối lượng và chất lượng hàng hóa được giao và nếu phát hiện có sai sót, mất mát hay hư hỏng nhà thầu phải thông báo ngay cho đơn vị QLDA. Đơn vị QLDA sẽ bổ sung, sửa chữa hoặc thay thế các hàng hóa đó. Sau khi đã kiểm tra và nhận hàng, việc bảo quản và kiểm soát quản lý các VTTB sẽ do nhà thầu chịu trách nhiệm.

+ Nhà thầu chịu trách nhiệm về chi phí vận chuyển các vật liệu và thiết bị do đơn vị QLDA cung cấp từ kho chủ đầu tư đến công trường hoặc kho bên B, bảo quản và kiểm soát trong quá trình thi công. Mọi mất mát hư hỏng trong các quá trình vận chuyển bảo quản, thi công này nhà thầu chịu trách nhiệm

**- Vật tư thiết bị do nhà thầu cung cấp (B cấp)**

+ Khi tập kết vật tư B cấp tại công trường, nhà thầu phải thông báo cho giám sát A, đơn vị QLDA biết để tiến hành lập biên bản nghiệm thu trước khi đưa vào thi công lắp đặt, đồng thời cung cấp cho giám sát A bản photo các phiếu chứng nhận xuất xứ hàng hóa, phiếu thử nghiệm xuất xưởng. Nhà thầu phải đưa bản chính, bản sao y của đơn vị phát hành hoặc bản có công chứng của các tài

	<p>liệu này vào 01 bộ trong 12 bộ hồ sơ thanh quyết toán khối lượng xây lắp hoàn thành của từng đợt tương ứng để gửi cho đơn vị QLDA. Nhà thầu không được phép đưa vật tư vào thi công khi chưa có sự chấp thuận của giám sát A.</p> <p>Đề nghị nhà thầu cung cấp VTTB và có văn bản mời nghiệm thu đạt yêu cầu như sau : VTTB B cấp (trụ, xà, sừ, phụ kiện...) trong vòng 10 ngày kể từ ngày HĐ có hiệu lực. Trường hợp không đáp ứng sẽ phạt tiền độ cung cấp VTTB trễ tối đa 8% phần giá trị VTTB chưa cung cấp và nghiệm thu chưa đạt. Vật tư phải cung cấp đầy đủ và nghiệm thu đạt theo HSDT nhà thầu khai báo, nếu không cung cấp hoặc cung cấp chưa đủ phần khối lượng cấp sẽ bị phạt hợp đồng = giá trị VTTB B cấp x 8%. Lưu ý, phần phạt tiền độ chung phần xây lắp (tối đa 12%) vẫn giữ nguyên và không liên quan đến phạt giao hàng trễ. Nói chung HĐ sẽ có 02 hình thức phạt.</p>
<b>D. Quản lý chi phí</b>	
<b>E-ĐKC 40</b>	Loại hợp đồng: <i>đơn giá cố định..</i>
<b>E-ĐKC 41.1</b>	Giá hợp đồng: <i>Cố định</i>
<b>E-ĐKC 42.1</b>	<p>- Tạm ứng: 20% giá trị hợp đồng trước thuế.</p> <p>- Thời gian tạm ứng: 14 ngày kể từ khi Chủ đầu tư nhận được các tài liệu sau:</p> <p>i) Giấy yêu cầu tạm ứng;</p> <p>(ii) Bảo lãnh thực hiện hợp đồng;</p> <p>(iii) Hợp đồng bảo hiểm, chứng từ thanh toán phí bảo hiểm + hóa đơn bảo hiểm;</p> <p>(iv) Bảo lãnh tiền tạm ứng theo mẫu quy định;</p> <p>(v) chủ đầu tư ban hành Lệnh khởi công công trình;</p> <p>(vi) cung cấp hồ sơ chứng minh sử dụng vốn đúng mục đích trong vòng 20 ngày kể từ ngày nhận được tiền tạm ứng hoặc 05 ngày kể từ ngày sử dụng hết số tiền tạm ứng</p>
<b>E-ĐKC 44.1</b>	<p>1. Hình thức thanh toán: Bằng chuyển khoản</p> <p>2. Thời hạn thanh toán: trong vòng 14 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ thanh toán hoặc theo thời gian giải ngân khoản vay thương mại do ngân hàng tài trợ vốn bên chủ đầu tư thực hiện.</p>

	<p>3. Phương thức thanh toán: việc thanh toán được thực hiện 02 lần.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đợt đầu: Thanh toán giá trị hạng mục hoàn thành sau khi nhà thầu hoàn thành khối lượng công việc phù hợp với phạm vi công việc theo hợp đồng và thu hồi hết giá trị đã tạm ứng trong lần thanh toán đợt 1. Tổng giá trị thanh toán đợt này không kể đợt cuối chỉ đạt tối đa 80% giá trị hợp đồng.</li> <li>- Đợt cuối: Thanh toán toàn bộ giá trị thực hiện còn lại sau khi nhà thầu hoàn thành các công việc (hoàn tất các thủ tục tổng nghiệm thu công trình, quyết toán khối lượng xây lắp hoàn thành, hoàn trả VTTB A cấp dư, hoàn trả VTTB thu hồi trên lưới điện hiện hữu (nếu có), hoàn tất việc lập và phê duyệt công tác phát sinh, hoàn tất lập và nộp bản vẽ hoàn công...) và Bên giao thầu nhận được bảo lãnh bảo hành có giá trị tương đương 5% giá trị hợp đồng. Bảo lãnh bảo hành phải có hiệu lực cho đến hết thời gian bảo hành.</li> <li>- Mỗi đợt thanh toán, chủ đầu tư giữ lại 5% giá trị thanh toán.</li> <li>- Hồ sơ thanh toán: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành trong giai đoạn thanh toán (theo mẫu biên bản nghiệm thu chất lượng có ghi khối lượng) có xác nhận của đại diện Bên giao thầu hoặc đại diện nhà tư vấn (nếu có) và đại diện Bên nhận thầu; biên bản nghiệm thu khối lượng này là bản xác nhận hoàn thành công trình, hạng mục công trình, khối lượng công việc phù hợp với phạm vi công việc phải thực hiện theo hợp đồng.</li> <li>+ Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành theo hợp đồng đề nghị thanh toán có xác nhận của bên giao thầu hoặc đại diện tư vấn (nếu có) và đại diện bên nhận thầu (phụ lục 03.b).</li> <li>+ Bảng tính giá trị quyết toán hợp đồng xây dựng (gọi là quyết toán A-B).</li> <li>+ Hóa đơn GTGT;</li> <li>+ Biên bản thanh lý hợp đồng (thanh toán đợt cuối).</li> <li>+ Bảo lãnh bảo hành do Ngân hàng phát hành và phải là bảo lãnh không có điều kiện không hủy ngang (đợt cuối)</li> </ul> </li> </ul>
<b>E-ĐKC 45</b>	<p>Điều chỉnh thuế: “được phép” áp dụng điều chỉnh thuế. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán nếu chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc giảm) và trong hợp đồng có quy định được điều chỉnh thuế, đồng thời nhà thầu xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch về thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định trong hợp đồng.</p>

<b>E-ĐKC 46.1</b>	Phần tiền giữ lại từ số tiền thanh toán là: <b>5% giá trị quyết toán theo đợt.</b>
<b>E-ĐKC 47.1(d)</b>	Trường hợp sửa đổi hợp đồng: <b>không có.</b>
<b>E-ĐKC 47.7</b>	Trường hợp đề xuất giải pháp tiết kiệm chi phí được Chủ đầu tư chấp thuận và giúp giảm giá hợp đồng, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu <b>0%</b> giá trị giảm giá hợp đồng.
<b>E-ĐKC 49.1</b>	<p>Mức phạt: <b>Phạt và bồi thường thiệt hại:</b></p> <p>1. Phạt hợp đồng:</p> <p>(a) Phạt vi phạm thời hạn hoàn thành công trình:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Chậm trễ 10 ngày đầu phạt <b>2%</b> giá trị phần hợp đồng bị vi phạm.</li> <li>+ Chậm mỗi 10 ngày tiếp theo phạt thêm <b>0,8%</b> giá trị phần hợp đồng bị vi phạm.</li> </ul> <p>(b) Phạt chất lượng thi công công trình không đúng thỏa thuận trong hợp đồng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Nhà thầu sử dụng vật tư, thiết bị lắp đặt cho công trình không phù hợp với quy định của hợp đồng về chủng loại hàng hóa, xuất xứ, nhãn hiệu và các thông số kỹ thuật theo chỉ dẫn kỹ thuật quy định trong HSMT.</li> <li>+ Thi công công trình không đảm bảo chất lượng (gây lún, nứt, chuyển vị, thấm nước, ..., hoàn thiện công trình không đảm bảo tính thẩm mỹ), không phù hợp với quy chuẩn Việt Nam và các tiêu chuẩn Việt Nam về nghiệm thu công trình xây dựng.</li> <li>+ Thi công công trình không đúng Thiết kế bản vẽ thi công.</li> <li>+ Thi công công trình không đúng biện pháp thi công được duyệt để xảy ra tai nạn, sự cố sụp đổ công trình.</li> </ul> <p>- Tùy theo mức nặng nhẹ sẽ bị xem xét cấm tham gia các công trình của PCAG:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ 6 tháng nếu quá 1 lần một trong các lỗi trên.</li> <li>+ 1 năm nếu quá 2 lần</li> <li>+ 4 lần trở lên đề nghị cơ quan quản lý nhà nước thông báo trên trang thông tin của Bộ chuyên ngành và đề nghị không cho tham gia tiếp theo các dự án của EVN.</li> <li>+ Các nhà thầu bị chấm dứt hợp đồng trước thời hạn do lỗi của nhà thầu</li> </ul> <p>(c) Mức phạt hợp đồng không vượt quá <b>12%</b> giá trị phần hợp đồng bị vi phạm.</p> <p>2. Bồi thường thiệt hại: Ngoài việc phạt hợp đồng tại mục 1. nêu trên, nhà thầu còn phải bồi thường thiệt hại cho chủ đầu tư, bên thứ ba (nếu có), mức bồi thường thiệt hại tương đương với mức tổn thất của bên kia.</p>
<b>E-ĐKC 49.2</b>	Bồi thường thiệt hại: <b>Áp dụng</b>

	- <i>Bồi thường thiệt hại trên cơ sở toàn bộ thiệt hại thực tế.</i>
<b>E-ĐKC 49.3</b>	Thương hợp đồng: <i>Không áp dụng.</i>
	<b>E. Kết thúc hợp đồng</b>
<b>E-ĐKC 54</b>	Thời gian bàn giao công trình: <i>trong vòng 02 ngày, kể từ ngày các bên tổ chức nghiệm thu kỹ thuật công trình/hạng mục công trình.</i>
<b>E-ĐKC 55.1</b>	Thời gian nộp bản vẽ hoàn công: <i>20 ngày sau ngày hoàn thành công trình.</i>
<b>E-ĐKC 55.2</b>	Số tiền giữ lại: <i>5% giá trị hợp đồng và sẽ thanh toán số tiền này khi hết thời gian bảo hành công trình.</i>
<b>E-ĐKC 56.1(a)</b>	Nhà thầu phải nộp hồ sơ quyết toán công trình trong <i>10 ngày</i> kể từ ngày nhận được biên bản nghiệm thu đã hoàn thành toàn bộ nội dung công việc theo quy định của hợp đồng.